

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - LAI CHÂU**
Bản án số: 162/2026/HS-ST
Ngày 08-7-2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đèo Văn Vĩnh và bà Đào Thị Hòa

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Tiến Tùng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu tham gia phiên toà:
Bà Lê Ngọc Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lai Châu xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 156/2026/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2026/QĐXXST-HS ngày 29/5/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Thào A D**; Tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 25 tháng 6 năm 1987, tại tỉnh Lai Châu; Nơi cư trú: Bản N, xã Q, tỉnh Điện Biên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông: Thào A L, sinh năm 1946; Con bà: Phàng Thị D1 (đã chết, bị cáo là con duy nhất trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, Bị cáo có 01 con trai, sinh năm 2012; Tiền án, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2026 cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh L (Có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Công H – Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh L, (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Phàng Thị V, sinh ngày 11/4/2011. Địa chỉ: bản T, xã H, tỉnh Lai Châu (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phan Thị V1:

Ông Phàn A T, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Bà Thào Thị G, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: bản T, xã H, tỉnh Lai Châu

+ Cháu Giàng Thị P, sinh ngày 20/01/2012. Địa chỉ: bản T, xã H, tỉnh Lai Châu (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu Giàng Thị P:

Ông Giàng A S, sinh năm 1970

Bà Giàng Thị G1, (vắng mặt)
Cùng địa chỉ: bản N, xã H, tỉnh Lai Châu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 7/2025, trong thời gian làm thuê tại huyện K, tỉnh Vân Nam (Trung Quốc), bị cáo Thào A D gặp gỡ, làm quen với Thào Thị G, là người Việt Nam, cư trú tại Trung Quốc. Qua trao đổi, G đặt vấn đề thuê D đưa con gái của mình từ Việt Nam sang Trung Quốc bằng đường mòn, lối mở biên giới với tiền công 400 Nhân dân tệ (tiền Trung Quốc), D đồng ý. Đến khoảng 08 giờ ngày 10/02/2026, được sự giới thiệu của Ghênh, Giàng Thị G1 liên lạc với D, đề nghị D đưa thêm con của mình đi cùng con gái của G sang Trung Quốc và hứa sẽ trả tiền công, D đồng ý.

Ngay sau khi bàn bạc, thống nhất với G1 xong, D điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 30Y1 – 8838 đi từ nhà tại bản N, xã Q, tỉnh Điện Biên đến ngã ba bản S, xã H, tỉnh Lai Châu đón 02 cháu là Phàng Thị V, sinh ngày 11/4/2011 (con gái G) và Giàng Thị P, sinh ngày 20/01/2012 (con gái G1). Sau đó, D chở P và V đi theo sự chỉ dẫn của G đến khu vực mốc 61(2) + khoảng 600m về hướng mốc 62(2) thuộc bản Pô Tô, xã P, tỉnh Lai Châu. Tại đây, G đứng phía bên Trung Quốc dùng đèn pin ra hiệu, hướng dẫn D đưa hai cháu xuống suối để vượt biên. Hồi 20 giờ 10 phút cùng ngày, khi D đang giúp V và P vượt qua bờ kè suối giáp Trung Quốc thì bị tổ công tác Đồn Biên phòng H2, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L phát hiện, bắt quả tang.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSKLCKV3 ngày 13/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lai Châu đã truy tố bị cáo Thào A D về tội “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh cũng như điều luật áp dụng. Phần luận tội, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Bị cáo Thào A D phạm tội: “*Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép*” theo khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự. Về hình phạt, áp dụng khoản 1, khoản 4 Điều 348; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 15, Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thào A D từ 01 năm tù đến 01 năm 06 tháng tù, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Thào A D: Căn cước công dân số 011087004256, cấp ngày 20/10/2023, mang tên Thào A D; Sổ thông hành số H3255600, cấp ngày 08/12/2025, mang tên Thào A D; Hộ chiếu số C6586435, cấp ngày 08/01/2019, hết hạn ngày 09/01/2024, mang tên Thào A D.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe nữ, màu đen, BKS 30Y1 – 8838, số máy 149510, số khung 090106190, kèm theo 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 008364, mang tên Nguyễn Viết H1; Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y11 màu đỏ sẫm, IMEI 1: 869458041777137; IMEI 2: 869458041777129.

Về án phí: áp dụng Điều 135, 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý án phí, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo trình bày bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, công tác tuyên truyền pháp luật tại địa phương chưa sâu rộng nên nhận thức pháp luật còn hạn chế. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải với hành vi phạm tội của mình. Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn. Nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng Điều 15, 38, Điều 50, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 4 Điều 318 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Miễn hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Về vật chứng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tranh luận với người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm của mình.

Tại phiên tòa, bị cáo Thào A D khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo và không có tranh luận gì đối với đại diện Viện kiểm sát cũng không bổ sung gì vào bản bào chữa của người bào chữa. Tại lời nói sau cùng bị cáo rất hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố

tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Người bào chữa cho bị cáo đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội mà bị cáo Thào A D đã thực hiện:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với nội dung biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong vật chứng, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở để khẳng định: Hồi 20 giờ 10 phút, ngày 10/02/2026, tại đường mòn, lối mở ở khu vực mốc 61(2) + khoảng 600m về hướng mốc 62(2) thuộc bản Pô Tô, xã P, tỉnh Lai Châu, để nhận số tiền 400 Nhân dân tệ từ Thào Thị G và nhận tiền công từ Giàng Thị G1, Thào A D đang tổ chức cho 02 cháu là Phàng Thị V và Giàng Thị P xuất cảnh trái phép từ Việt Nam sang Trung Quốc thì bị tổ công tác Đoàn Biên phòng H2, Ban Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh L phát hiện, bắt quả tang.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy. Bị cáo biết rõ hành vi tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì muốn thu lợi bất chính nên vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật quy định:

“1. Người nào vì vụ lợi mà tổ chức hoặc môi giới cho người khác xuất cảnh, nhập cảnh hoặc ở lại Việt Nam trái phép, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. [...]”

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng hoặc cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lai Châu đã truy tố bị cáo về tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép” theo quy định tại khoản 1 Điều 318 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đưa được người qua biên giới thì đã bị lực lượng Bộ đội Biên phòng phát hiện, bắt quả tang. Do đó bị cáo phạm tội chưa đạt.

[4] Xét các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Thào A D đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo là người dân tộc thiểu, sinh sống tại bản có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt

khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ cận nghèo của xã. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo Thào A D không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đủ để tiếp tục giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật trong nhân dân và đảm bảo công tác phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 318 Bộ luật hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Tình tiết liên quan đến vụ án:

- Đối với Thào Thị G và Giàng Thị G1 là những người thuê bị cáo Thào A D đưa người xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, quá trình điều tra xác định cả hai không có mặt tại địa phương từ năm 2012 đến nay, hiện sinh sống tại Trung Quốc nhưng không rõ địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra chưa thể triệu tập, lấy lời khai hoặc thực hiện tương trợ tư pháp. Do đó, đã tách hành vi của G và G1 để tiếp tục xác minh, xử lý sau theo quy định pháp luật.

- Đối với Phàng Thị V và Giàng Thị P đều có mục đích xuất cảnh trái phép, tuy nhiên cả hai đều chưa đi qua biên giới nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với Căn cước công dân số 011087004256, cấp ngày 20/10/2023, mang tên Thào A D; Sổ thông hành số H3255600, cấp ngày 08/12/2025, mang tên Thào A D; Hộ chiếu số C6586435, cấp ngày 08/01/2019, hết hạn ngày 09/01/2024, mang tên Thào A D là giấy tờ chứng minh nhân thân bị cáo nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với Xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe nữ, màu đen, BKS 30Y1 – 8838, số máy 149510, số khung 090106190, kèm theo 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 008364, mang tên Nguyễn Viết H1: Quá trình điều tra xác định đây là tài sản riêng của Dao, do D mua lại từ các chủ sở hữu trước đó, tuy nhiên chưa sang tên đổi chủ, là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

- Đối với Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y11 màu đỏ sẫm, IMEI 1: 869458041777137; IMEI 2: 869458041777129 là công cụ bị cáo dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[9] Về án phí: Do bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo là hộ nghèo theo điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tại phiên tòa, bị cáo có đề nghị miễn án phí nên Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và các vấn đề liên quan đến vụ án là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Xét đề nghị của người bào chữa về việc xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, miễn án phí, miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 4 Điều 318, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 15, Điều 38, khoản 3 Điều 57 Bộ luật hình sự.

[1] Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Thào A D phạm tội “Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép”

[2] Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Thào A D: 02 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/02/2026.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Thào A D: Căn cước công dân số 011087004256, cấp ngày 20/10/2023, mang tên Thào A D; Sổ thông hành số H3255600, cấp ngày 08/12/2025, mang tên Thào A D; Hộ chiếu số C6586435, cấp ngày 08/01/2019, hết hạn ngày 09/01/2024, mang tên Thào A D.

- Tịch thu sung ngân sách nhà nước: Xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, loại xe nữ, màu đen, BKS 30Y1 – 8838, số máy 149510, số khung 090106190, kèm theo 01 đăng ký xe mô tô, xe máy số 008364, mang tên Nguyễn Viết H1; Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y11 màu đỏ sẫm, IMEI 1: 869458041777137; IMEI 2: 869458041777129.

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vào 09 giờ 00 phút ngày 08 tháng 05 năm 2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh L với Phòng thi hành án dân sự khu vực 3 – Lai Châu)

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[5] Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện của có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND khu vực 3 - Lai Châu;
- CA tỉnh Lai Châu;
- (CQĐT, Phòng PV06; THAHS, Phân
- trại tạm giam Phong Thổ);
- Phòng THADS khu vực 3 - Lai Châu;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn L

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- VKSND khu vực 3 – Lai Châu;
- CA tỉnh Lai Châu;
(CQĐT, THAHS, Phân trại tạm giam
Phong Thổ);
- Phòng THADS khu vực 3 – Lai Châu;
- Bị cáo;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Lực